

Bản án số: 01/2017/HSST

Ngày: 30 - 10 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2017/TLST – HS, ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với

Bị cáo Đặng Thị H, sinh năm 1973

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1939; chồng Trần Văn T, sinh năm 1968; con có 02 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1969 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1968 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Lê Thái B (tên gọi: Đ), sinh năm 1993 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Đặng Thị Bích K (tên gọi: T), sinh năm 1968 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1959 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi cự cãi với vợ là Đặng Thị H tại nhà, vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/02/2017, ông Trần Văn T bỏ nhà đi ra ngoài, nghi chồng sẽ đi tìm bà Nguyễn Thị Bé N nên Đặng Thị H lên đi theo phía sau, trước khi đi H lấy theo 02 lưỡi lam, màu đen đã bóc vỏ để vào túi áo khoác bên trái đang mặc. Đến khoảng 02 giờ, ông T đến nhà của bà Nguyễn Thị Bé N. Lúc này, H núp phía sau nhà của bà Bé N và điện thoại cho bà Đặng Thị Bích K (tên gọi khác là T) là chị ruột của H nhưng không gặp K mà gặp Lê Thái B (tên gọi khác là Đ) con ruột của bà K nghe điện thoại, H nói với B kêu bà T xuống nhà B1 để phụ H bắt quả tang ông T và bà Bé N ngoại tình với nhau thì B nói để B xuống phụ. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, lúc này phía nhà tắm bên trong nhà của bà Bé N mở đèn sáng, thấy B tới, H dùng chân đạp cửa sau vào bên trong nhà, H chạy lại nắm tóc bà Bé N nhưng Bé N vùng vẫy và chạy ra ngoài được, H, T và B chạy theo. Bé N chạy ra lộ nhựa và nhảy qua hàng rào bằng cây khóm của nhà bà Nguyễn Thị B1 ngụ cùng ấp, khi đến khu vực sân đald của nhà bà B1 thì B ngăn cản ông T lại không cho đuổi theo, H đuổi theo đến khu vực cây nước nhà bà B1 thì nắm được tóc và đè vật Bé N xuống, H ngồi lên bụng Bé N, tay trái cầm lưỡi lam rạch vào vùng mặt, do Bé N vùng vẫy mạnh làm rớt lưỡi lam H đang cầm, H tiếp tục lấy trong túi áo khoác ra lưỡi lam thứ hai cầm rạch vào vùng mặt và vùng đùi của Bé N gây thương tích. Lúc này, bà B1 đến can ngăn thì H buông Bé N ra và Bé N chạy ra phía sau nhà bà B1 trốn. Sau đó, Nguyễn Thị Bé N được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh để điều trị thương tích đến ngày 06/02/2017 xuất viện. Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Công an tiến hành truy tìm hai lưỡi lam mà Đặng Thị H dùng để gây thương tích cho Nguyễn Thị Bé N nhưng không tìm thấy.

Tại kết luận giám định số: 62/TgT ngày 18/5/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định (ngày 18/5/2017) của Nguyễn Thị Bé N là 22%. Cơ chế hình thành vết thương: do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc.

Tại bản cáo trạng số: 38/VKS - HS, ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Đặng Thị H về “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Thị H hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C, và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Do chồng là ông Trần Văn T ngoại tình với bà Nguyễn Thị Bé N, vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 01/02/2017, tại khu vực nhà của bà Nguyễn Thị B1 tọa lạc ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Đặng Thị H đã dùng hai cái lưỡi lam rạch vào vùng mặt và vùng đùi của người bị hại là bà Nguyễn Thị Bé N với tỉ lệ thương tật là 22%.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 01, khoản 02 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị H từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Đặng Thị H với người bị hại bà Nguyễn Thị Bé N, thỏa thuận bồi thường tổng các khoản thiệt hại là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), bị cáo đã khắc phục được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), số tiền còn lại tiếp tục bồi thường. Ngoài ra vị còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi-nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo biết hành vi của mình là sai, gia đình có phần khó khăn, con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 62/TgT ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Trà Vinh về thương tích của người bị hại bà Nguyễn Thị Bé N. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Lời nhận tội của bị cáo Đặng Thị H tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện C thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Đặng Thị H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Thị H là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý không có gì bù đắp được, chỉ vì ghen chồng mình là ông Trần Văn T với người bị hại là bà Nguyễn Thị Bé N có quan hệ tình cảm với nhau nên bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm là hai cái lưỡi lam, đã chuẩn bị sẵn trước đó để gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tật là 22%. Cụ thể thương tích gồm: 01 sẹo trán phải kích thước 6,5cm x 0,1 cm ảnh hưởng thẩm mỹ; 01 sẹo trán thái dương trái kích thước 10cm x 0,1 cm ảnh hưởng thẩm mỹ; 01 sẹo má trái kích thước 04cm x 0,1 cm ảnh hưởng thẩm mỹ; 01 sẹo cằm kích thước 08cm x 0,2 cm ảnh hưởng thẩm mỹ, 01 sẹo góc hàm phải kích thước 05 cm x 0,1 cm ảnh hưởng thẩm mỹ và 01 sẹo 1/3 dưới mắt sau đùi trái kích thước 09cm x 0,7 cm.

[3]. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại, gây nỗi lo sợ và hoang mang đến tinh thần của quần chúng nhân dân, người bị hại, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

[4]. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử, xét thấy cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bản thân là nông dân lao động chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, đã khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), có cậu ruột Lê Minh T là liệt sĩ, gia đình có con còn nhỏ hiện còn đang đi học, hoàn cảnh kinh tế có phần khó khăn, người bị hại có phần lỗi và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là cho bị cáo hưởng án treo. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 01 và khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Với những tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát giáo dục là cũng đủ răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra, cần phải kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, có biện pháp và xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi, vi phạm hôn nhân của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và người bị hại bà Nguyễn Thị Bé N.

- **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Đặng Thị H với người bị hại bà Nguyễn Thị Bé N, thỏa thuận bồi thường tổng các

khoản thiệt hại là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), bị cáo đã khắc phục được 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), số tiền còn lại 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiếp tục bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị Bé N.

- **Về án phí:** Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 01, khoản 02 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị H 02 (Hai) năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, là ngày 30/10/2017.

Giao bị cáo Đặng Thị H cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Đặng Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 588; 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Đặng Thị H bồi thường số tiền còn lại là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) cho người bị hại bà Nguyễn Thị Bé N

+ Án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến